

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc dự thảo Nghị quyết về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

UBND Thành phố đã có Tờ trình số 365/TTr-UBND ngày 28/10/2025 gửi Thường trực HĐND Thành phố về việc đề nghị xây dựng định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông báo số 44/TB-HĐND ngày 11/11/2025 của Thường trực HĐND Thành phố về nội dung, thời gian và công tác chuẩn bị tổ chức kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND Thành phố; UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

đ) “Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã”.

g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương.”

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn từ năm 2023 - 2025, thành phố Hà Nội thực hiện định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 một số định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể quy định tại Phần B Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023 – 2025; Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội và số 36/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND để tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị và xã, phường tổ chức thực hiện.

Giai đoạn 2023-2025 sắp kết thúc, để không bị gián đoạn trong tổ chức thực hiện và có cơ sở pháp lý kịp thời cho các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và xã, phường lập, giao và phân bổ dự toán ngân sách năm 2026, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết: số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025, số 46/2025/HĐND ngày 13/11/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội. Đồng thời, để có cơ sở pháp lý thực hiện đồng bộ, thống nhất và công khai minh bạch trong công tác lập, giao và phân bổ dự toán, điều hành ngân sách từ năm 2026, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội (thay thế Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 và các Nghị quyết sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Những kết quả đạt được

Ngay sau khi các Nghị quyết: số 22/2022/NQ-HĐND, số 46/2025/HĐND ngày 13/11/2025 được ban hành, UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung nghị quyết đến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết được gắn với công tác lập, phân bổ và điều hành dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. Qua đó, các địa phương bước đầu phát huy vai trò chủ động trong quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực. Một số kết quả cụ thể như sau:

a) Về định mức phân bổ ngân sách

- Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước đã đảm bảo phù hợp với các quy định của Trung ương; có tiêu chí rõ ràng, cơ bản bao quát nhiệm vụ đầu tư của các quận, huyện, thị xã và phù hợp với thực tiễn và các nhiệm vụ được phân

cấp, tạo điều kiện thuận lợi để các quận, huyện, thị xã và xã, phường bố trí nguồn lực để đầu tư cho các công trình, dự án phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý.

- Các tiêu chí cơ sở tính định mức cơ bản đã rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch. Định mức phân bổ ngân sách là căn cứ để lập và giao dự toán cho các đơn vị. Đảm bảo mức chi cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của Thành phố, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế xã hội trong giai đoạn 2023-2025 của Thành phố.

- Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp; khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế xã hội.

b) Về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu các cấp ngân sách

- Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách cơ bản đã phân cấp tối đa các nguồn thu theo phân cấp quản lý thuế cho các quận, huyện để tăng cường nguồn lực cho ngân sách cấp huyện, cấp xã chủ động cân đối ngân sách, giảm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên.

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách cũng đã được chi tiết theo từng khoản thu và phân chia theo từng nhóm khu vực, địa bàn đơn vị hành chính. Trên cơ sở đó, đã tạo điều kiện, động lực thúc đẩy và khuyến khích các địa phương tăng thu, nuôi dưỡng nguồn thu và từ đó đã có những bước tăng trưởng kinh tế xã hội nhất định trên từng địa bàn.

2. Một số tồn tại, hạn chế.

a) Về định mức phân bổ ngân sách

- Nguồn lực ngân sách còn hạn chế nên định mức chưa thể đáp ứng hết nhu cầu đầu tư và thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và các quận, huyện, thị xã và xã, phường trong bối cảnh các đơn vị đều đang trong quá trình hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Các cấp, các đơn vị phải sắp xếp thứ tự ưu tiên để bố trí nguồn lực hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn.

- Một số chủ trương, chế độ chính sách mới do Trung ương và Thành phố ban hành nhưng chưa được cập nhật trong định mức phân bổ ngân sách dẫn đến khó khăn trong việc cân đối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ.

- Định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2023-2025 đảm bảo thực hiện một số các chế độ, chính sách do Trung ương và Thành phố ban hành theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (trong giai đoạn 2023-2025, Nhà nước đã 02 lần điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2023 và điều chỉnh mức lương cơ sở bằng 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024). Mặc dù đã được điều chỉnh, bổ sung một số lần nhưng chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế, chưa bao quát hết các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b). Về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

- Một số khoản thu như: tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, mặt nước;... có tính chất phức tạp, phát sinh không ổn định nên khó khăn trong việc xác định tỷ lệ phần trăm đối với từng đơn vị hành chính.

Khoản thu từ tiền sử dụng đất do quận, huyện, thị xã tổ chức đấu giá, giao đất có thu tiền sử dụng đất và tiền sử dụng đất khác cơ bản được điều tiết về huyện, thị xã được hưởng theo tỷ lệ từ 80% đến 100% nên trong giai đoạn 2023- 2024, một số huyện phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất lớn, số thu được hưởng theo tỷ lệ điều tiết rất cao và vượt so với nhu cầu đầu tư trên địa bàn, trong khi nhiều địa phương khác có số thu từ tiền sử dụng đất nhỏ nên chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư trong điều kiện hạ tầng nông thôn mới còn hạn chế nhưng Thành phố không thực hiện điều hòa khoản thu này giữa các địa phương, khu vực để các địa phương có thể cân đối nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển; vì vậy, chưa nâng cao được tính hiệu quả trong việc điều hành và sử dụng ngân sách nhà nước.

- Trên thực tế, nguồn thu của ngân sách địa phương thường bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Thị trường, giá cả, quy mô sản xuất, chính sách mới ban hành... dẫn đến nguồn thu giữa các cấp ngân sách không ổn định, lâu dài trong khi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu lại được giữ ổn định giai đoạn 2023-2025.

- Năm 2025, nguồn thu ngân sách cấp huyện, phường hưởng được chuyển về cấp Thành phố nên tỷ lệ tự cân đối của cấp xã, phường thấp, hạn chế tính chủ động và chưa tự chủ được nguồn lực của địa phương để thực hiện các nhiệm vụ và điều hành ngân sách của cấp mình.

III. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản:

1.1. Đối với định mức phân bổ ngân sách

- Định mức phân bổ xây dựng mới từ năm 2026 cần tạo động lực cho các xã, phường chủ động và phát triển tốt hơn trên mọi lĩnh vực.

- Định mức phân bổ ngân sách phải đảm bảo toàn bộ các chính sách chế độ chi thường xuyên được ban hành đến thời điểm hiện tại phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Định mức phân bổ ngân sách phải đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp nhiệm vụ chi; trong đó: các định mức chi sử dụng để khoán chi phải có tốc độ tăng hợp lý giúp các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính có thêm nguồn tiết kiệm chi tăng thêm thu nhập cho các cán bộ, công chức.

1.2. Đối với tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách

- Việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết, phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thực hiện từ năm 2026 nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 2 cấp và các quy định mới của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô và Luật Ngân sách nhà nước.

- Tỷ lệ điều tiết mới giúp phân định rõ nguồn lực giữa các cấp ngân sách, bảo đảm cân đối thu – chi, đồng thời phát huy vai trò chủ đạo của ngân sách Thành phố trong việc tập trung, điều phối và phân bổ nguồn lực để bảo đảm cân đối chung toàn thành phố và thực hiện những dự án, nhiệm vụ quan trọng; ngân sách cấp xã giữ vai trò nền tảng, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ chi gắn với đời sống dân cư, quản lý hạ tầng cơ sở và cung cấp dịch vụ công thiết yếu tại địa bàn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

- Đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng theo quy định của Trung ương (giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo vệ môi trường; y tế) và các địa bàn khó khăn (xã ở bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi).

- Tiêu chí, nguyên tắc của định mức phân bổ ngân sách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; định mức chia các nhóm xã, phường, ưu tiên khu vực khó khăn, miền núi... và có tính đến các yếu tố đặc thù; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

- Tăng quyền hạn, tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và xã, phường.

- Tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách được xác định đảm bảo tập trung nguồn lực cho ngân sách cấp Thành phố thực hiện những nhiệm vụ, dự án trọng điểm, quy mô lớn; đồng thời, vẫn đảm bảo cho cấp xã tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ của cấp mình và khuyến khích khai thác, huy động các nguồn thu ngân sách để tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Nguyên tắc xây dựng Nghị quyết

Theo Thông báo số 2552/TB-VPQH ngày 16/7/2025 của Văn phòng Quốc hội, UBTVQH đã có ý kiến: *“Thống nhất với đề nghị của Chính phủ và kiến nghị của cơ quan thẩm tra trình Quốc hội xem xét, quyết định kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026, không ban hành Nghị quyết của UBTVQH về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026”*.

Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn của địa phương, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp, Thành phố đề xuất các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

3.1. Đối với định mức phân bổ ngân sách

a) Nguyên tắc chung

- Phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương; đảm bảo đúng thẩm quyền của địa phương.

- Định mức phân bổ ngân sách để tạo nguồn cân đối cho ngân sách cấp xã; việc phân bổ dự toán cho các đơn vị, các nhiệm vụ chi được thực hiện theo các chế độ, chính sách, định mức, đơn giá và thực tiễn của từng địa phương.

- Kế thừa định mức giai đoạn 2023-2025, có tính đến tốc độ tăng theo dự kiến tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2025 so với năm 2026 khoảng 4,5%.

- Định mức phân bổ ngân sách đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ chi được phân cấp tại các Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND, số 46/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025, cập nhật đầy đủ các chế độ, chính sách phát sinh trong giai đoạn 2023-2025; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Riêng đối với chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và chính sách hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố thực hiện từ nguồn tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Đối với các định mức phân bổ chi thường xuyên bao gồm tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp và đóng góp theo lương xác định theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. (mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng): nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương (như: sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa thông tin...).

b) Nguyên tắc, tiêu chí cụ thể

(1). Định mức phân bổ chi đầu tư

- Đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các xã, phường.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước, Thành phố; Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026-2030; Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách Thành phố và các xã, phường; đảm bảo phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải và bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

- Khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn phân cấp có xem xét các yếu tố đặc thù về các nhiệm vụ quản lý nhà nước của các xã, phường (như sự khác nhau về các công trình trường học, di tích, đê điều,... trên mỗi địa bàn) và ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong Thành phố.

(2) Định mức phân bổ chi thường xuyên

* Đối với cấp Thành phố:

- Lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể; gồm: (1) định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan; (2) định mức chi cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ; (3) định mức chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị.

- Lĩnh vực chi an ninh, quốc phòng: tiếp tục thực hiện như giai đoạn 2023-2025, căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm để xây dựng dự toán chi thường xuyên.

- Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại: phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

* Đối với cấp xã:

- Gồm định mức phân bổ đối với 13 lĩnh vực: (1) chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo; (2) chi sự nghiệp y tế và dân số; (3) chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể; (4) chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình; (5) chi sự nghiệp văn hóa thông tin; (6) chi thể dục thể thao; (7) chi an ninh, (8) chi quốc phòng; (9) chi đảm bảo xã hội; (10) chi sự nghiệp môi trường; (11) chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (12) chi sự nghiệp kinh tế; (13) chi khác.

- Định mức được xác định theo tiêu chí dân số và một số tiêu chí bổ sung để phù hợp với các nhiệm vụ chi của từng lĩnh vực, từng vùng, khu vực.

- Định mức được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ giai đoạn 2023-2025 và có điều chỉnh bổ sung để phù hợp với phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tình hình thực tế khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp:

- + Số liệu chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của 30 quận, huyện, thị xã (do chính quyền 02 cấp thực hiện từ ngày 01/7/2025 nên hiện nay số liệu của 126 xã, phường chưa được tổng hợp và phản ánh đầy đủ).

- + Đối với các lĩnh vực chuyển toàn bộ nhiệm vụ từ cấp huyện về cấp xã: định mức phân bổ cấp xã được xác định trên cơ sở định mức cấp huyện và định mức cấp xã trước khi thực hiện chính quyền 02 cấp.

- + Đối với lĩnh vực chỉ chuyển một phần nhiệm vụ từ cấp huyện về cấp xã: xác định cụ thể phần kinh phí tương ứng để thực hiện các nhiệm vụ chuyển về xã để bổ sung vào định mức cấp xã.

3.2. Đối với tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách

- Tỷ lệ phân chia các khoản thu phải được xác định phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính;

- Việc xác định tỷ lệ phải gắn với nhiệm vụ chi được phân cấp cho từng cấp chính quyền, bảo đảm cân đối nguồn lực và phù hợp với đặc điểm kinh tế – xã hội, mức độ phát triển, quy mô dân số, điều kiện địa lý của từng khu vực, từng địa bàn.

4. Nội dung chủ yếu nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước

4.1. Định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho cấp xã

Hiện nay, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH ngày 07/02/2025 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030. Theo đó, Nghị quyết quy định một số tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ dự án thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí, trong đó có một số tiêu chí tương tự như giai đoạn 2021-2025 như: (1) Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương; (2) Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; (3) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương; (4) Các tiêu chí bổ sung: xã ATK; xã đảo, xã biên giới đất liền; vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...);....Đồng thời, bổ sung một số tiêu chí mới như: Diện tích đất trồng lúa; khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt. Hiện nay, Quốc hội đang dự thảo Nghị quyết sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15, Chính phủ chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính đối với các định mức nêu trên.

Căn cứ tình hình thực tế về phương pháp tính, thu thập số liệu, thông tin, UBND Thành phố đề xuất trước mắt xác định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho cấp xã kế thừa, vận dụng cách tính theo phương pháp tính toán tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố hà nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; các tiêu chí đề xuất áp dụng gồm:

- Các tiêu chí chính gồm: (1) Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương; (2) Số thu nội địa; (3) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung gồm: (1) Khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt; (2) vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (*mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...*); (3) mật độ dân số; (4) số trường công lập chưa đạt chuẩn; (5) số km đường giao thông; (6) số di tích; (7) công trình thủy lợi, đề điều.

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng điểm của 126 xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách.

4.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên

4.2.1. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố

a) Lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

(1) Về cách xác định dự toán chi thường xuyên theo định mức

- Tính theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được giao của từng đơn vị so với quy mô biên chế của bậc đầu tiên là dưới 30 biên chế).

- Cập nhật bổ sung chế độ, chính sách mới ban hành như: Cập nhật tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định 15/2025/QĐ-TTg; bổ sung định mức các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc (bộ bàn ghế họp, tiếp khách; máy in, máy scan, máy hủy tài liệu, máy photocopy, giá đựng tài liệu¹); loại trừ thiết bị máy tính ra ngoài định mức phân bổ để đảm bảo điều kiện kịp thời thay thế các trang thiết bị đầu cuối theo yêu cầu của công tác chuyển đổi số; Cập nhật chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND;

(2) Nội dung chi đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào định mức:

** Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan được điều chỉnh:*

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Chênh lệch 2026/2025²
I	Cơ quan hành chính			
1	Đơn vị dự toán cấp I			
	Từ dưới 30 biên chế trở xuống	85	95	Tăng 11,7%
	Từ biên chế thứ 30 đến dưới 50	83	92	Tăng 10,8%
	Từ biên chế thứ 50 đến dưới 100	81	89	Tăng 9,8%
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	78	85	Tăng 8,9%
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	67	74	Tăng 10,4%
2	Đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I			

¹ Theo Quyết định 15/2025/QĐ-TTg, số lượng tối đa máy móc, thiết bị hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc được quy định theo số lượng biên chế.

² Chênh lệch tăng do: tăng theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng khoảng 4,5% và loại trừ kinh phí mua sắm thiết bị máy tính; cập nhật các chế độ chính sách phát sinh trong giai đoạn 2023-2025 có mức chi tăng (mức chi chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (ngoài các văn bản theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/NQ-UBTVQH) điều chỉnh tăng: mức chi cấp Thành phố là 30 triệu đồng/văn bản, mức chi của cấp xã 8-10 triệu đồng;

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Chênh lệch 2026/2025 ²
	Từ dưới 30 biên chế trở xuống	81	91	Tăng 12,3%
	Từ biên chế thứ 30 đến dưới 50	79	88	Tăng 11,3%
	Từ biên chế thứ 50 đến dưới 100	77	85	Tăng 10,3%
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	74	81	Tăng 9,4%
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	63	70	Tăng 11,1%
II	Các cơ quan điều hành chung (Các cơ quan thuộc Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội))			
	Từ dưới 30 biên chế trở xuống	107	118	Tăng 10,2%
	Từ biên chế thứ 30 đến dưới 50	105	115	Tăng 9,5%
	Từ biên chế thứ 50 đến dưới 100	103	113	Tăng 9,7%
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	101	110	Tăng 8,9%
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	91	99	Tăng 8,7%

** Định mức chi hoạt động thường xuyên cho hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ;*

Đơn vị tính: triệu đồng/lao động/năm

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Chênh lệch 2026/2025 ³
	Cơ quan hành chính	165	168	Tăng 1,8%
	Các cơ quan điều hành chung (Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội))	227	231	Tăng 1,7%

** Định mức phân bổ dự toán chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị:*

Năm 2025: 134 triệu đồng/xe ô tô/năm

Năm 2026: 140 triệu đồng/xe ô tô/năm, tăng 4,5% so với năm 2025

b) Lĩnh vực chi an ninh, quốc phòng: tiếp tục thực hiện như giai đoạn 2023-2025, căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm để xây dựng dự toán chi thường xuyên.

c) Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại: phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

³ Do định mức năm 2025 đã được điều chỉnh và cập nhật mức tiền lương cơ sở, tiền công nên định mức năm 2026 chỉ cập nhật phần tăng chi hoạt động thường xuyên khác tương ứng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng.

Riêng, đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm IV: Căn cứ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập, để thống nhất trong quá trình lập, giao và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị, UBND Thành phố đề xuất tiếp tục kế thừa nội dung đã quy định tại Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND: *được tham khảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể của đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I cùng quy mô biên chế.*

4.2.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã

- Tính theo phương pháp lũy thoái theo dân số: áp dụng đối với 2 nhóm định mức: Chi an ninh, Chi quốc phòng.

- Điều chỉnh tăng định mức chi thường xuyên khác theo tỷ lệ (%) đối với địa bàn khó khăn, địa bàn phải phục vụ triển khai nhiều nhiệm vụ chính trị của Trung ương và Thành phố và địa bàn trọng tâm phát triển:

+ Địa bàn xã bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi⁴.

+ Địa bàn phải phục vụ triển khai nhiều nhiệm vụ chính trị của Trung ương và Thành phố⁵.

+ Riêng đối với địa bàn trọng tâm phát triển: sẽ thực hiện sau khi xác định các xã, phường thuộc địa bàn trọng tâm phát triển theo chỉ đạo, định hướng của UBND Thành phố/theo quyết định cụ thể của cấp có thẩm quyền.

(1) *Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:* tiêu chí, nguyên tắc tương tự cấp Thành phố

* *Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan:*

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Chênh lệch 2026/2025 ⁶
1	Cơ quan hành chính	79	89	Tăng 12,6%
2	Các cơ quan điều hành chung (Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội))	94	104	Tăng 10,6%

* *Định mức chi hoạt động thường xuyên cho hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ;*

⁴ Các Xã: Minh Châu, Suối Hai, Ba Vì, Yên Bái, Yên Xuân, Trần Phú, Phú Cát, Mỹ Đức.

⁵ Các Phường: Ba Đình, Ngọc Hà, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Hồng Hà, Từ Liêm.

⁶ Tăng do: tăng theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng, bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi từ cấp huyện chuyển về cấp xã thực hiện theo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách.

Đơn vị tính: triệu đồng/lao động/năm

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Chênh lệch 2026/2025 ⁷
1	Cơ quan hành chính	155	157	Tăng 1,2%
2	Các cơ quan điều hành chung (Văn phòng Đảng ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Cơ quan Ủy ban Mặt trận tổ quốc (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội))	217	220	Tăng 1,3%

** Định mức phân bổ dự toán chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị: (bằng cấp Thành phố)*

Năm 2025: 134 triệu đồng/xe ô tô/năm

Năm 2026: 140 triệu đồng/xe ô tô/năm

** Định mức phân bổ quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể khác:*

- Các khoản chi mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng tài sản công và các khoản chi khác của các xã, phường⁸ được tính vào cân đối ngân sách theo tỷ lệ 15% của số chi tại điểm 1.1 (*chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan*).

- Định mức nêu trên không bao gồm: các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp; chế độ đặc thù hoạt động công tác Đảng; chi trợ cấp cán bộ phường già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù.

** Đối với định mức khoán chi thường xuyên ngân sách cấp xã đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã*

- Kết luận số 163/KL-TW ngày 06/6/2025 Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi thực hiện sắp xếp bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ chính trị, Ban Bí thư, theo đó: *nghiên cứu lộ trình kéo dài việc sử dụng người không chuyên trách phù hợp với thời điểm sắp xếp lại thôn, tổ dân phố (trước ngày 31/5/2026).*

- Công văn số 03CV-/BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ định hướng một số nội dung về sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, CBCCVV khi thực hiện sắp xếp; theo đó: *“Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố hiện nay: Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025. Giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.”*

⁷ Do chỉ xác định tăng chi số giá tiêu dùng trên phần chi hoạt động thường xuyên khác, định mức phân bổ 2025 đã được điều chỉnh và cập nhật tiền lương, tiền công hiện hành.

⁸Hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận phường, xã; hoạt động Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã, kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn;... và chi các khoản khác.

Vì vậy, UBND Thành phố đề xuất không quy định định mức khoán chi thường xuyên ngân sách cấp xã đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Đối với dự toán ngân sách năm 2026, sẽ giao dự toán cho các xã, phường theo số người hoạt động không chuyên trách hiện có mặt trên cơ sở định mức đã được quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND (22 triệu đồng/người/năm).

(2) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

(2.1). Định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh theo cấp học

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ⁹
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
1	Mầm non (MN)	Đồng/học sinh/năm	9 500 000	10 500 000	16.500.000	18.000.000	Tăng 74%-71%
	<i>Trong đó: chi khác tối thiểu</i>		<i>2 000 000</i>	<i>2 000 000</i>	<i>2.300.000</i>	<i>2.300.000</i>	
2	Tiểu học (TH)	đ/học sinh/năm	5 800 000	6 500 000	9.500.000	10.500.000	Tăng 64%-61%
	<i>Trong đó: chi khác tối thiểu</i>		<i>1 500 000</i>	<i>1 500 000</i>	<i>1.800.000</i>	<i>1.800.000</i>	
3	Trung học cơ sở (THCS)	đ/học sinh/năm	7 800 000	8 500 000	9.500.000	11.000.000	Tăng 22%-30%
	<i>Trong đó: chi khác tối thiểu</i>		<i>1.900 000</i>	<i>1.900 000</i>	<i>2.200.000</i>	<i>2.200.000</i>	
4	Học sinh khuyết tật	đ/học sinh/năm	22.000. 000		28.800.000		Tăng 31%
5	Chi giáo dục chung và mua sắm, sửa chữa lớn	Tỷ lệ %	5% chi sự nghiệp giáo dục từ mục 1 đến 6 nêu trên		5% chi sự nghiệp giáo dục từ mục 1 đến 4 nêu trên		

- Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo lương, tiền thưởng, các khoản theo lương theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/người/tháng và chi khác (chi các hoạt động giáo dục). Mức chi khác được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo lương và chi khác tối thiểu, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo mức chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

- Đối với các trường có tổng chi khác lớn (*vượt quá 02 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh*), HĐND các xã, phường xem xét, quyết định cụ thể về dự toán chi của trường theo nhiệm vụ được giao nhưng không thấp hơn 02 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh. Đối với học sinh tại các trường trên địa bàn các xã bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tính tăng thêm 10% so với định mức phân bổ nêu trên.

⁹ Tăng do điều chỉnh tăng mức tiền lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng và có xác định tăng thêm khoảng 4,5% tương ứng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng.

(2.2). Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố.

- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025.

(3) Chi sự nghiệp y tế và dân số

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
*	Chi sự nghiệp y tế	Đồng/người/năm	8 000	6 000	162.000	224.000	Tăng do xác định định mức phân bổ ngân sách bao gồm kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của Trạm y tế
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Chi tối thiểu cho công tác phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, vệ sinh an toàn thực phẩm.</i>	<i>Đồng/người/năm</i>	<i>8 000</i>	<i>6 000</i>	<i>8 000</i>	<i>6 000</i>	

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm: kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng do cấp xã quản lý; kinh phí đảm bảo hoạt động của Trạm y tế (*Giai đoạn trước, Trung tâm y tế thuộc Sở Y tế, định mức chi sự nghiệp y tế tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND không bao gồm kinh phí hoạt động của các trung tâm y tế; Thực hiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, hoạt động của Trung tâm y tế một phần chuyển về Sở Y tế và phần còn lại chuyển về các Trạm y tế thuộc UBND cấp xã quản lý, phần lớn biên chế của Trung tâm y tế được Thành phố giao cho trạm y tế*).

(4) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ¹⁰
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
	Hoạt động sự nghiệp phát thanh	Đồng/người/năm	2.000	10.000	2.100	10.500	Tăng 5%

¹⁰ Tăng tương ứng với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng và có tính bổ sung kinh phí hoạt động của bộ máy đài phát thanh.

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp và đảm bảo hoạt động của bộ máy đài phát thanh.

(5) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ¹¹
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
	Hoạt động sự nghiệp văn hóa	Đồng/người/năm	21.000	15.000	42.000	42.500	Tăng 200%-283%
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi tối thiểu cho hoạt động sự nghiệp văn hóa	Đồng/người/năm	21.000	15.000	22.000	15.500	Tăng khoảng 4,5%

Định mức phân bổ ngân sách chi hoạt động sự nghiệp văn hóa cấp xã đã đảm bảo hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp; kinh phí cho công tác duy tu, duy trì các di tích theo quy định của Luật Di sản đối với các di tích theo phân cấp quản lý hiện hành và tăng cường kinh phí theo chỉ đạo của Thành phố về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

(6) Chi thể dục thể thao

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ¹²
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
	Hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao	Đồng/người/năm	13.000	12.000	13.600	12.500	Tăng khoảng 4,6%

(7) Chi an ninh

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Chênh lệch 2026/2025 ¹³
	Sự nghiệp an ninh	Đồng/người/năm	41.000	32.000			Tăng khoảng 85%
	Từ 20.000 người dân trở xuống				75.000	60.000	

¹¹ Tăng do: bao gồm kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của Trung tâm Văn hóa xã, phường và tăng tương ứng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng 4,5%

¹² Tăng do: tăng tương ứng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng 4,5%

¹³ Tăng do tăng tương ứng mức tăng chỉ số giá và cập nhật các chế độ, chính sách được ban hành trong lĩnh vực an ninh (hỗ trợ người lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở...)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Chênh lệch 2026/2025 ¹³
	Từ người dân thứ 20.001 đến 40.000				72.000	58.000	
	Từ người dân thứ 40.001 đến 60.000				68.000	54.000	
	Từ người dân thứ 60.001 đến 80.000				65.000	51.000	
	Từ người dân thứ 80.001 đến 100.000				57.000	45.000	
	Từ người dân thứ 100.001 trở lên				48.000	35.000	Tăng khoảng 15%

Định mức đảm bảo nhiệm vụ chi theo Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về kinh phí hỗ trợ đối với chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng tại thôn tổ dân phố và các nhiệm vụ khác theo phân cấp và tăng cường kinh phí theo Chương trình 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025*”; các Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội: số 12/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024, số 44/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ đối với chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng tại thôn tổ dân phố, kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố và các nhiệm vụ khác theo phân cấp.

(8) Chi quốc phòng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Chênh lệch 2026/2025 ¹⁴
	Sự nghiệp quốc phòng:	Đồng/người/năm	58.000	38.000			
	Từ 20.000 người dân trở xuống				67.000	44.000	Tăng khoảng 15%
	Từ người dân thứ 20.001 đến 40.000				64.000	42.000	
	Từ người dân thứ				61.000	40.000	

¹⁴ Tăng do tăng tương ứng mức tăng chi số giá và cập nhật các chế độ, chính sách được ban hành trong lĩnh vực quốc phòng (dự kiến ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố về bảo đảm chế độ, chính sách do Dân quân tự vệ trên địa bàn Thành phố)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Chênh lệch 2026/2025 ¹⁴
	40.001 đến 60.000						
	Từ người dân thứ 60.001 đến 80.000				58.000	38.000	
	Từ người dân thứ 80.001 đến 100.000				52.000	33.000	
	Từ người dân thứ 100.001 trở lên				40.000	22.000	

Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp quy định tại Luật dân quân tự vệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật dân quân tự vệ; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ¹⁵; Nghị quyết của HĐND Thành phố¹⁶ về bảo đảm chế độ, chính sách do Dân quân tự vệ trên địa bàn Thành phố; hỗ trợ đối với chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng tại thôn, tổ dân phố; kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố; tăng cường kinh phí theo Chương trình 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025*” và các nhiệm vụ khác theo phân cấp.

(9) Chi đảm bảo xã hội

(9.1). Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ¹⁷
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
1	Chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng xã hội		Tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi		Tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi		
2	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/người/năm					Tăng khoảng 4,5%
3	Các hoạt động xã hội		14.000	10.000	14.600	10.500	
4	Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em						

Định mức phân bổ kinh phí chi các hoạt động xã hội bao gồm kinh phí chi các hoạt động công tác xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; tổ chức hội nghị, chi khánh tiết; các ngày lễ, tết truyền thống; thăm hỏi, động viên các đối tượng chính

¹⁵ Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP; Nghị định số 220/2025/NĐ-CP

¹⁶ Thay thế Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố về bảo đảm chế độ, chính sách do Dân quân tự vệ trên địa bàn Thành phố

¹⁷ Tăng do tăng tương ứng mức tăng chi số giá tiêu dùng

sách xã hội; chế độ thăm viếng nghĩa trang, mộ liệt sỹ và các nhiệm vụ chi hoạt động xã hội khác theo quy định; thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; Kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, kinh phí hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn và các hoạt động đảm bảo xã hội khác.

(9.2). Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung trên cơ sở đối tượng hưởng các chính sách an sinh, xã hội năm 2025

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ; các cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; dân công hỏa tuyến theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thanh niên xung phong theo Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách theo Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg ngày 29/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kinh phí thực hiện các chế độ quà ngày lễ, tết, quà người cao tuổi, kinh phí thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; trợ cấp đối với người có thành tích tham gia kháng chiến theo Quyết định 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách đặc thù cho một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự can thiệp khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn thương tích nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố.

- Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo các Nghị định của Chính phủ: số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 quy định và Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của Thành phố; kinh phí thực hiện hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của Thành phố theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố.

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác cho các đối tượng xã hội theo quy định.

(9.3). Định mức phân bổ nêu tại (9.1) và (9.2) không bao gồm kinh phí thực hiện: Nghị quyết số 02/2025 /NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố quy định chính sách hỗ trợ đặc thù của thành phố Hà Nội đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng

(10) Chi sự nghiệp môi trường

(10.1). Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

TT	Nội dung	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		Ghi chú
		Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
1	Sự nghiệp môi trường khác	Theo tỷ lệ 0,5% tổng chi TX của 9 lĩnh vực		10.000-12.000 đồng/người/năm		Điều chỉnh cách tính để phù hợp với nội dung, tính chất công việc tuyên truyền, hỗ trợ và các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường khác theo quy định của Luật BVMT

Định mức phân bổ nêu trên thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường theo phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kinh phí chi sự nghiệp môi trường khác còn dư sau khi đã đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và theo phân cấp quản lý nhà nước, được sử dụng để chi cho công tác duy trì vệ sinh môi trường, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác.

(10.2) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác: Được xác định trên cơ sở khối lượng duy trì, đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành và kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;

- Kinh phí hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố: xác định trên cơ sở đối tượng và mức hỗ trợ theo chính sách hiện hành.

(11) Chi sự nghiệp kinh tế

(11.1) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ22		Đề xuất định mức 2026		Chênh lệch 2026/2025 ¹⁸
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
	Sự nghiệp Kinh tế	Đồng/người/năm	140.000	220.000	146.300	229.900	Tăng 4,5%

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm: kinh phí hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế theo phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; kinh phí thực hiện một số chính sách phát triển nông

¹⁸ Tăng do tăng tương ứng mức tăng chi số giá tiêu dùng

ng nghiệp theo Luật Thủ đô¹⁹; kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho nhân viên chăn nuôi thú ý các xã, phường trên địa bàn và một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội.

(11.2) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Đối với các xã có rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: kinh phí quản lý, duy trì, bảo tồn, bảo vệ, phòng chống cháy rừng được xác định trên cơ sở diện tích rừng.

- Đối với các xã, phường có công viên, vườn hoa, hồ nước lớn, gồm: hồ Hoàn Kiếm, hồ Tây, các công viên: Thống Nhất, Hòa Bình, Cầu Giấy, Bách Thảo, Võ Thị Sáu, Thanh Xuân, Nghĩa Đô²⁰: kinh phí quản lý, duy tu, duy trì được xác định trên cơ sở số liệu năm 2025 và dự kiến năm 2026.

(12) Chi thường xuyên khác.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 22		Đề xuất định mức 2026		Ghi chú
			Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	Khu vực đô thị	Khu vực còn lại	
	<i>Chi thường xuyên khác</i>	Theo tỷ lệ % tổng chi TX của 11 lĩnh vực	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	Giữ nguyên

(13) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Bố trí bằng 1% tổng chi thường xuyên của các lĩnh vực của ngân sách xã, phường.

- Định mức phân bổ đảm bảo hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật NSNN 2025, Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025, Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ (Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ quan, đơn vị cấp xã; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác; Quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo Nghị định của Chính phủ đối với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động nội bộ của cấp xã và các cơ quan trực thuộc cấp xã bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc Chính quyền số Thành phố).

¹⁹ Khoản 2 Điều 32 Luật Thủ Đô quy định: HĐND Thành phố quy định một số chính sách về nông nghiệp, nông thôn

²⁰ Theo số liệu báo cáo nhanh của Sở Xây dựng, kinh phí duy trì cấp Thành phố thực hiện năm 2025 và dự kiến năm 2026 như sau: hồ Hoàn Kiếm: 380 triệu đồng/năm (bổ cập nước hồ, quan trắc chất lượng nước hồ; các nhiệm vụ khác do quận Hoàn Kiếm thực hiện), hồ Tây: 3.068 triệu đồng/ năm (vệ sinh môi trường mặt nước hồ, quản lý mực nước hồ, các nhiệm vụ khác do quận Tây Hồ thực hiện), các công viên: Thống Nhất: 28.059 triệu đồng/năm, Hòa Bình: 13.096 triệu đồng/năm, Cầu Giấy: 29.961 triệu đồng/năm, Bách Thảo: 8.703 triệu đồng/năm, Võ Thị Sáu: 3.608 triệu đồng/năm, Thanh Xuân: 5.069 triệu đồng/năm, Nghĩa Đô: 5.839 triệu đồng/năm

- Định mức phân bổ đã bao gồm kinh phí mua sắm, thay thế trang bị máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay/máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

(14) Một số nội dung định mức khác

Đối với địa bàn xã bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi²¹, địa bàn phải phục vụ triển khai nhiều nhiệm vụ chính trị của Trung ương và Thành phố²² và địa bàn trọng tâm phát triển²³ được tính tăng thêm 20% so với các định mức phân bổ theo dân số nêu trên.

4.3. Tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách

Năm 2026, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội tiếp tục giữ ổn định như năm 2025 là 32%. Tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách được tính toán, xác định như sau:

a) Cơ bản giữ nguyên tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như giai đoạn 2023-2025, trong đó: các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% được chuyển về ngân sách cấp xã hưởng 100% (như: thuế tài nguyên từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và hộ sản xuất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền cho thuê mặt nước (không bao gồm tiền cho thuê mặt nước nộp một lần cho cả thời gian thuê), lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh và thu từ khu vực ngoài quốc doanh...), giữ nguyên các khoản ngân sách cấp xã trước đây hưởng 100%;

b) Đối với một số khoản thu phân chia giữa ngân sách Thành phố và ngân sách cấp xã:

- Tiền sử dụng đất: Căn cứ tình hình thực tiễn giai đoạn vừa qua, tiền sử dụng đất là khoản thu có tính đột biến, không ổn định hằng năm; đồng thời để đảm bảo nguồn lực cho Thành phố tập trung thực hiện các dự án trọng điểm, thực hiện vai trò điều hòa khoản thu này giữa địa phương có số thu lớn sang các địa phương có số thu thấp nhưng cần nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, thành phố vẫn thực hiện quan điểm, chủ trương về tạo nguồn lực, tạo tính chủ động cho cấp xã có nguồn lực để đầu tư, cải thiện hạ tầng làm tăng giá trị đất; phương án đề xuất như sau:

(1) Tiền sử dụng đất từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất giao cho cá nhân, hộ gia đình: ngân sách cấp xã hưởng 100%;

(2) Tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với tổ chức:

- Trên địa bàn phường: Thành phố hưởng 80%; phường hưởng 20%;
- Trên địa bàn xã: Thành phố hưởng 70%; xã hưởng 30%;

²¹ Các Xã: Minh Châu, Suối Hai, Ba Vì, Yên Bài, Yên Xuân, Trần Phú, Phú Cát, Mỹ Đức.

²² Các Phường: Ba Đình, Ngọc Hà, Giảng Võ, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Hồng Hà, Từ Liêm.

²³ Sẽ thực hiện sau khi xác định các xã, phường thuộc địa bàn trọng tâm phát triển theo chỉ đạo, định hướng của UBND Thành phố/theo quyết định cụ thể của cấp có thẩm quyền.

(3) Tiền sử dụng đất từ giao đất dự án, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất: Thành phố hưởng 100%;

(4) Tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT: Thành phố hưởng 100%.

Đối với các địa bàn có số thu tiền sử dụng đất thuộc nhóm (3), (4), Thành phố sẽ hỗ trợ các xã, phường đầu tư các dự án của cấp xã trong năm và các năm tiếp theo với mức hỗ trợ không quá 50% tỷ lệ điều tiết cho cấp xã của nhóm (2).

- Một số khoản thu thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý thu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác tại các phường: được xác định cụ thể tỷ lệ điều tiết các khoản thu này (*Chi tiết theo Phụ lục 02 – đính kèm*)

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Đăng ký kỳ họp HĐND cuối năm 2025

- Sở Tài chính đã có văn bản số 12726/STC-QLNS ngày 14/10/2025 về việc đăng ký xây dựng các Nghị quyết trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND Thành phố;

- UBND Thành phố đã có Tờ trình số 365/TTr-UBND ngày 28/10/2025 gửi Thường trực HĐND Thành phố về việc đề nghị xây dựng định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;

2. Soạn thảo Nghị quyết

- Sở Tài chính đã có văn bản số 9162/STC-QLNS ngày 30/7/2025 gửi các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường đề nghị đánh giá và đề xuất phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội từ năm 2026; số 13001/STC-QLNS ngày 17/10/2025 gửi Thuế thành phố Hà Nội, Chi cục Hải quan Khu vực I, các sở ngành và UBND các xã, phường để cung cấp thông tin phục vụ việc xây dựng Báo cáo của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 và kế hoạch tài chính 5 năm 2026-2030 của Thành phố; số 13010/STC-QLNS ngày 17/10/2025 gửi các sở chuyên ngành đề nghị cung cấp số liệu xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách từ năm 2026 thành phố Hà Nội.

- Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình và Báo cáo kết quả thi hành pháp luật;

3. Công văn số 14301/STC-QLNS ngày 12/11/2025 gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết;

4. Công văn số 14302/STC-QLNS ngày 12/11/2025 gửi Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố để đăng tải xin ý kiến dự thảo Nghị quyết;

5. Báo cáo số 14578/BC-STC ngày 18/11/2025 của Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 336/BC-STP ngày 17/11/2025;

6. Tờ trình của UBND Thành phố xem xét, quyết định trình dự thảo Nghị quyết.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh: định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức chính trị, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Các đơn vị sự nghiệp công lập
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Nội dung chính của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết dự kiến gồm Nghị quyết và 02 Phụ lục, cụ thể:

- Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1. Quy định nội dung định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;

Điều 2. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

- 02 Phụ lục ban hành kèm Nghị quyết

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH HĐND THÔNG QUA

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.

Nghị quyết về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, dự kiến trình HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2025.

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

(UBND Thành phố gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, Các PCVP,
- Các phòng: KT, TH
- Lưu: VT, KT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lưu

